

Đề thi Giữa Học kì 1 Toán lớp 4

(Bộ sách: Cánh diều)

Phần I. Trắc nghiệm

Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

Câu 1. Số “Năm mươi tám nghìn hai trăm linh sáu” viết là:

- A. 580 206 B. 58 206 C. 508 206 D. 5826

Câu 2. Số gồm 7 triệu, 3 chục nghìn, 2 nghìn, 6 trăm và 4 đơn vị là:

- A. 3 702 604 B. 7 320 604 C. 7 032 604 D. 7 326 400

Câu 3. Số nhỏ nhất trong các số **137 235; 143 567; 154 234; 185 754** là:

- A. 137 235 B. 143 567 C. 154 234 D. 185 754

Câu 4. Số **746 924** làm tròn đến hàng trăm nghìn là:

- A. 746 920 B. 746 000 C. 750 000 D. 700 000

Câu 5. An sinh năm 2015. Hỏi An sinh vào thế kỉ nào?

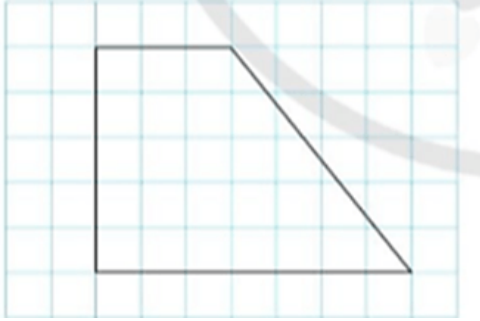
- A. XIX B. XX C. XXI D. XVIII

Câu 6. “1 tấn 5 tạ = kg”. Số thích hợp cần điền là:

- A. 150 B. 15 000 C. 1 500 D. 150 000

Câu 7. Chọn đáp án đúng:

Hình dưới đây có:



- A. 2 góc nhọn B. 2 góc vuông C. 2 góc tù D. 2 góc bẹt

Câu 8. Bốn bạn Lan, Mai, Hồng, Cúc lần lượt có số bút là: 12 cái, 18 cái, 16 cái, 14 cái.
Trung bình mỗi bạn có số bút là:

- A. 14 cái B. 15 cái C. 16 cái D. 18 cái

Câu 9. 6 089 140 đọc là:

- A. Sáu triệu tám trăm chín mươi nghìn
B. Sáu triệu không trăm tám mươi chín nghìn một trăm bốn mươi.
C. Sáu triệu không trăm tám mươi chín nghìn.
D. Sáu triệu không trăm tám mươi chín nghìn không trăm mười bốn.

Câu 10. Số 439 160 được viết thành tổng là:

- A. $400\ 000 + 30\ 000 + 9\ 000 + 10 + 6$
B. $400\ 000 + 30\ 000 + 9\ 000 + 100 + 6$
C. $400\ 000 + 30\ 000 + 9\ 000 + 100 + 60$
D. $400\ 000 + 30\ 000 + 9\ 000 + 100$

Phần II. Tự luận

Bài 1. Viết các số thích hợp vào chỗ chấm:

45 000; 46 000;;;; 50 000;

Bài 2. Điền vào bảng sau:

Viết số	Chục nghìn	Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị	Đọc số
28 489						
	3	5	6	7	2	
						Sáu mươi bốn nghìn bảy trăm năm mươi.

Bài 3. Viết các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn:

3771; 4374; 2312; 4333; 8951.

.....

Bài 4. Viết chữ số thích hợp vào chỗ trống:

a) $345 \dots 45 < 345\ 145$

b) $2 \dots 162 > 28\ 162$

c) $238 \dots > 2388$

d) $824\ 619 = 824 \dots 19$

Bài 5. Viết các số thích hợp vào chỗ chấm:

1 yến = kg;

10 kg = yến

2 yến 8 kg = kg

1 tạ = yến;

3 tạ = kg

3 tạ 50 kg = kg

1 tấn = kg;

20 tấn = tạ

10 dag = Hg.

Bài 6. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

3 phút =giây

5 giờ =phút

2thếki=năm

7 phút 15 giây=.....giây

9phút 8 giây=..... giây

3 giờ 17 phút =.....phút

Bài 7. Tìm số trung bình cộng của các số sau:

a) 32 và 72

b) 36; 46 và 77

c) 46; 29; 28 và 37

d) 26; 19; 76; 29 và 35

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 8. Một kho gạo, ngày thứ nhất sản xuất 180 tấn, ngày thứ hai sản xuất 270 tấn, ngày thứ ba sản xuất 156 tấn. Hỏi trung bình mỗi ngày cửa hàng đã sản xuất được bao nhiêu tấn gạo?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....